



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 09 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là văn phòng đại diện đặt tại Số 83A Đường Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Minh Đức	Chủ tịch – Miễn nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch – Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên
Ông Phan Thành Nghị	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 24/04/2013
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Hiến	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Lê Hoàn Vũ	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 24/04/2013
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2013

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC THUẬN



Số: 14.357/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2014 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được nêu tại mục 5.7 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí phân bổ của khoản tiền thuê 47 năm từ tầng 1 đến tầng 3 Cao ốc Số 83A Đường Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội chỉ được thực hiện đối với phần diện tích đã đưa vào khai thác, sử dụng. Riêng đối với phần chi phí thuê tương ứng với diện tích mặt bằng dự kiến tìm đối tác để thực hiện chuyển nhượng (theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24 tháng 04 năm 2013) chưa được phân bổ vào giá vốn hàng bán của các năm trước và giá vốn hàng bán năm 2013 với số tiền lần lượt là 1.910.573.016 đồng và 1.252.545.363 đồng. Như vậy, nếu chi phí nêu trên được ghi nhận đầy đủ vào giá vốn hàng bán của các năm tương ứng thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và "Lợi nhuận chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 giảm một khoản là 3.163.118.379 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.979.934.257	20.138.234.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	4.186.290.217	519.531.865
1. Tiền	111		2.686.290.217	519.531.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	1.433.232.635	13.579.580.520
1. Phải thu khách hàng	131		464.258.220	5.820.367.043
2. Trả trước cho người bán	132		404.035.716	7.759.213.477
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		564.938.699	
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	251.620.018	5.715.218.338
1. Hàng tồn kho	141		251.620.018	5.715.218.338
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.791.387	323.903.898
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.791.387	70.716.953
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			111.461.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			51.725.787
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		55.000.000	90.000.000

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112.612.037.250	111.880.375.348
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		16.243.861.062	11.802.591.483
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	8.486.271.061	11.796.480.379
+ Nguyên giá	222		13.514.424.568	16.992.581.228
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.028.153.507)	(5.196.100.849)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			6.111.104
+ Nguyên giá	228		95.000.000	105.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(98.888.896)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.5)	7.757.590.001	
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.6)	5.043.988.830	6.731.807.675
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.200.000.000	7.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(156.011.170)	(268.192.325)
V. Tài sản dài hạn khác	260		91.324.187.358	93.345.976.190
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	91.309.187.358	92.891.499.607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	454.476.583
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118.591.971.507	132.018.609.969

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.243.391.128	24.878.096.475
I. Nợ ngắn hạn	310		8.219.701.996	22.234.915.499
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	5.954.228.374	12.961.829.885
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	293.690.694	6.152.345.006
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	100.000.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	120.894.038	71.269.189
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	480.489.073	697.650.362
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.12)	1.266.824.816	2.074.278.856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.13)	3.575.001	277.542.201
II. Nợ dài hạn	330		1.023.689.132	2.643.180.976
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.14)	1.023.689.132	839.980.976
4. Vay và nợ dài hạn	334			1.803.200.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.348.580.379	107.140.513.494
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15.1)	109.348.580.379	107.140.513.494
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.15.2)	114.000.000.000	114.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		314.868.226	314.868.226
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		61.262.340	61.262.340
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.15.6)	(5.027.550.187)	(7.235.617.072)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118.591.971.507	132.018.609.969

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		216.414.456	216.414.456
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		67,92	67,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

CAO PHƯỚC THÁI HÒA

LÊ THỊ LỆ TÚY

NGUYỄN ĐỨC THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		51.528.177.272	49.460.924.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	51.528.177.272	49.460.924.134
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	48.314.753.465	48.716.011.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.213.423.807	744.912.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.355.433.402	80.297.410
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.112.834.676	4.120.701.056
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.224.671.581</i>	<i>3.077.501.261</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	464.804.046	337.430.450
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	3.758.345.836	3.911.389.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.232.872.651	(7.544.311.070)
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	4.428.593.883	42.967.700
12. Chi phí khác	32	(6.8)	3.453.399.649	42.781.782
13. Lợi nhuận khác	40		975.194.234	185.918
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.208.066.885	(7.544.125.152)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.208.066.885	(7.544.125.152)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	(5.15.5)	194	(662)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

CAO PHƯỚC THÁI HÒA

LÊ THỊ LỆ TÚY

NGUYỄN ĐỨC THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.208.066.885	(7.544.125.152)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.446.403.964	1.633.198.442
Các khoản dự phòng	03		(112.181.155)	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.813.838.245)	(80.255.170)
Chi phí lãi vay	06		1.224.671.581	3.077.501.261
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		953.123.030	(2.913.680.619)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.532.658.268	10.959.537.500
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.463.598.320	2.272.938.102
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(7.263.380.419)	(5.022.097.776)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.626.375.404	406.645.663
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.224.671.581)	(3.236.222.265)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(2.483.854.966)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		439.476.583	568.384.386
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(183.708.156)	(488.816.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.343.471.449	62.833.698
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.757.590.001)	(12.340.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.371.075.748	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.800.000.000	16.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.720.602.667	80.255.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(865.911.586)	16.067.914.261

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		22.669.878.929	39.283.771.836
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.480.680.440)	(50.019.231.015)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(5.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.810.801.511)	(16.435.459.179)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		3.666.758.352	(304.711.220)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		519.531.865	824.243.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		4.186.290.217	519.531.865

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

CAO PHƯỚC THÁI HÒA

LÊ THỊ LỆ TÚY

NGUYỄN ĐỨC THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 09 tháng 01 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là văn phòng đại diện đặt tại Số 83A Đường Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 18 nhân viên (31/12/2012: 27 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- San lấp mặt bằng;
- In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại);
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Môi giới thương mại; đại lý mua bán, kí gửi hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Bán buôn đồ uống không có cồn.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí công cụ dụng cụ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Máy móc, thiết bị	08 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 3 năm.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.9. Lương

Quý lương của cán bộ nhân viên và Giám đốc Công ty được trích căn cứ vào Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty ngày 26 tháng 08 năm 2013.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13. Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Kinh doanh thuốc lá bao	10%
+ Dịch vụ cho thuê	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	97.188.217	45.365.215
Tiền gửi ngân hàng	2.589.102.000	474.166.650
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
Tổng cộng	4.186.290.217	519.531.865

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	464.258.220	5.820.367.043
Trả trước cho người bán	404.035.716	7.759.213.477
Các khoản phải thu khác	564.938.699	-
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	1.433.232.635	13.579.580.520
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	1.433.232.635	13.579.580.520

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác là khoản phải thu cổ tức được chia năm 2013 từ Quỹ thành viên Vietcombank 3.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	-	2.548.139.492
Công cụ, dụng cụ	3.718.000	58.859.813
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	242.181.818	546.321.586
Thành phẩm	-	2.561.897.447
Hàng hóa	5.720.200	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	251.620.018	5.715.218.338
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	251.620.018	5.715.218.338

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.076.121.032	1.558.042.380	1.342.339.816	16.078.000	16.992.581.228
Thanh lý trong năm	(2.816.023.038)	(378.799.000)	-	-	(3.194.822.038)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	-	-	(267.256.622)	(16.078.000)	(283.334.622)
Số dư cuối năm	11.260.097.994	1.179.243.380	1.075.083.194	-	13.514.424.568
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.760.866.286	841.918.864	587.286.455	6.029.244	5.196.100.849
Khấu hao trong năm	1.173.847.487	154.967.420	111.477.953	-	1.440.292.860
Thanh lý trong năm	(1.174.481.134)	(177.562.035)	-	-	(1.352.043.169)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(6.866.639)	-	(243.301.150)	(6.029.244)	(256.197.033)
Số dư cuối năm	3.753.366.000	819.324.249	455.463.258	-	5.028.153.507
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.315.254.746	716.123.516	755.053.361	10.048.756	11.796.480.379
Tại ngày cuối năm	7.506.731.994	359.919.131	619.619.936	-	8.486.271.061

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 327.568.136 đồng.

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông theo Hợp đồng mua bán Căn hộ "Dự án Tây Nguyên Plaza" số 106/HĐMB-TNP ngày 31 tháng 10 năm 2013. Toàn bộ giá trị tài sản này đã được dùng để thế chấp cho khoản vay Ngân hàng - Xem thêm mục 5.8.

5.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Góp vốn thành lập quỹ thành viên Vietcombank 3	2.200.000.000	4.000.000.000
Đầu tư chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhất Việt	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.200.000.000	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(156.011.170)	(268.192.325)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.043.988.830	6.731.807.675

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê văn phòng từ tầng 1 đến tầng 3 Cao ốc Số 83A Đường Lý Thường Kiệt (*)	90.921.773.947	91.693.233.976
Chi phí cải tạo Nhà máy sản xuất đầu lọc thuốc lá	-	886.707.809
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	98.466.924	28.672.569
Chi phí khác chờ phân bổ	<u>288.946.487</u>	<u>282.885.253</u>
Tổng cộng	<u>91.309.187.358</u>	<u>92.891.499.607</u>

(*) Đến thời điểm 31/12/2013, chi phí chưa phân bổ đầy đủ vào giá vốn hàng bán của tiền thuê văn phòng từ tầng 1 đến tầng 3 Cao ốc Số 83A Đường Lý Thường Kiệt là 3.163.118.379 đồng.

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.634.228.374	6.693.029.885
Vay cá nhân	3.320.000.000	4.464.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>-</u>	<u>1.804.800.000</u>
Tổng cộng	<u>5.954.228.374</u>	<u>12.961.829.885</u>

Vay ngân hàng là khoản vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012 01844 ngày 20 tháng 10 năm 2012 và Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 13 tháng 09 năm 2013 với hạn mức tín dụng 6 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh lĩnh vực thuốc lá và lãi suất cho vay áp dụng cho mỗi lần giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng giá trị tài sản là 12 căn hộ thuộc tầng 11 khu Căn hộ Tây Nguyên Plaza tọa lạc tại Lô 11D Khu dân cư An Phú, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ được hình thành từ Hợp đồng mua bán Căn hộ "Dự án Tây Nguyên Plaza" số 106/HĐMB-TNP ngày 31 tháng 10 năm 2013 - Xem thêm mục 5.5.

Vay cá nhân là các khoản vay tín chấp có thời hạn 3 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu lãi suất từ 10,5%/năm.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	293.690.694	6.152.345.006
Người mua trả tiền trước	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>393.690.694</u>	<u>6.152.345.006</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	105.790.661	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.103.377	31.269.189
Các loại thuế khác	-	40.000.000
Tổng cộng	120.894.038	71.269.189

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam - Xem thêm mục 7	727.750.000	1.527.750.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	470.025.000	470.025.000
Kinh phí công đoàn	69.049.816	76.503.856
Tổng cộng	1.266.824.816	2.074.278.856

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	277.542.201	277.164.018
Trích lập trong năm	-	489.194.510
Sử dụng trong năm	(273.967.200)	(488.816.327)
Số dư cuối năm	3.575.001	277.542.201

5.14. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặc cộc chi phí thuê văn phòng và chi phí dịch vụ quản lý.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	114.000.000.000	279.925.761	61.262.340	7.102.645.055	121.443.833.156
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(7.544.125.152)	(7.544.125.152)
Trích quỹ	-	34.942.465	-	-	34.942.465
Giảm trong năm trước	-	-	-	(6.794.136.975)	(6.794.136.975)
Số dư đầu năm nay	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(7.235.617.072)	107.140.513.494
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.208.066.885	2.208.066.885
Số dư cuối năm nay	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(5.027.550.187)	109.348.580.379

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 số 0305020995 ngày 09 tháng 01 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 114 tỷ đồng, như vậy các cổ đông đã góp được 99,13% vốn điều lệ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam	15.050.000.000	13%	15.050.000.000	13%
Các cổ đông khác	98.950.000.000	87%	98.950.000.000	87%
Tổng cộng	114.000.000.000	100%	114.000.000.000	100%

5.15.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm	(800.000.000)	(5.700.000.000)

5.15.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	11.400.000	11.400.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.15.5. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty	2.208.066.885	(7.544.125.152)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	<u>11.400.000</u>	<u>11.400.000</u>
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>194</u>	<u>(662)</u>

5.15.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(7.235.617.072)	7.102.645.055
Lãi/(lỗ) sau thuế trong năm	2.208.066.885	(7.544.125.152)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(34.942.465)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(489.194.510)
Chia cổ tức	<u>-</u>	<u>(6.270.000.000)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>(5.027.550.187)</u>	<u>(7.235.617.072)</u>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	41.726.519.381	40.167.120.522
Doanh thu dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	3.883.980.292	2.373.338.741
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	5.661.326.408	5.607.630.620
Doanh thu dịch vụ tư vấn	200.000.000	1.292.285.000
Doanh thu bán hàng nội bộ	36.210.000	-
Doanh thu khác	20.141.191	20.549.251
Tổng cộng	<u>51.528.177.272</u>	<u>49.460.924.134</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	41.289.630.614	40.491.274.921
Giá vốn dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	2.418.609.726	1.582.111.508
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	4.435.263.125	5.457.753.551
Giá vốn dịch vụ tư vấn	171.250.000	1.177.810.000
Giá vốn dịch vụ khác	-	7.061.655
Tổng cộng	<u>48.314.753.465</u>	<u>48.716.011.635</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.400.422	80.297.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.264.140.944	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	69.892.036	69.892.036
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.000.000	-
Tổng cộng	<u>3.355.433.402</u>	<u>80.297.410</u>

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.224.671.581	3.077.501.261
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(112.181.155)	-
Phí sử dụng vốn	-	604.414.309
Chiết khấu thanh toán	-	316.776.018
Lãi trả chậm người bán	-	117.475.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	344.250	4.533.944
Tổng cộng	1.112.834.676	4.120.701.056

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	250.254.816	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.320.000	1.650.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.906.665	334.015.607
Chi phí bằng tiền khác	24.322.565	1.764.842
Tổng cộng	464.804.046	337.430.450

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.001.400.387	2.106.746.653
Chi phí vật liệu quản lý	87.226.906	103.044.853
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.777.607	72.222.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.773.992	65.565.182
Thuế, phí và lệ phí	6.947.000	6.350.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.002.099.210	965.403.891
Chi phí bằng tiền khác	575.120.734	592.056.702
Tổng cộng	3.758.345.836	3.911.389.473

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.371.075.748	-
Doanh thu cho thuê tài sản cố định	1.800.000.000	-
Thu nhập khác	257.518.135	42.967.700
Tổng cộng	4.428.593.883	42.967.700

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	102.696.713	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.842.778.869	-
Chi phí nhà máy đầu lọc	1.089.288.102	-
Chi phí khác	<u>418.635.965</u>	<u>42.781.782</u>
Tổng cộng	<u>3.453.399.649</u>	<u>42.781.782</u>

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.922.803.960	35.707.994.747
Chi phí nhân công	2.944.360.894	3.288.187.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.446.403.964	1.633.198.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.688.079.052	11.575.831.913
Chi phí bằng tiền khác	<u>5.102.489.802</u>	<u>4.765.796.540</u>
Tổng cộng	<u>57.104.137.672</u>	<u>56.971.009.437</u>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả - Xem thêm mục 5.12	(727.750.000)	(2.321.505.716)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	718.759.091
Sử dụng dịch vụ	-	(5.077.543.551)
Chi phí lãi vay	-	(278.330.514)

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	168.000.000	180.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Thu nhập Giám đốc	378.823.975	376.650.000
Tổng cộng	582.823.975	592.650.000

B. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.186.290.217	519.531.865
Phải thu khách hàng	464.258.220	5.820.367.043
Đầu tư dài hạn khác	5.043.988.830	6.731.807.675
Tài sản tài chính khác	15.000.000	454.476.583
Tổng cộng	9.709.537.267	13.526.183.166
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.954.228.374	14.765.029.885
Phải trả người bán	293.690.694	6.152.345.006
Công nợ tài chính khác	1.023.689.132	839.980.976
Tổng cộng	7.271.608.200	21.757.355.867

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	-	67,92	67,92

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	293.690.694	-	293.690.694
Công nợ tài chính khác	-	1.023.689.132	1.023.689.132
Các khoản vay	5.954.228.374	-	5.954.228.374
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	6.152.345.006	-	6.152.345.006
Công nợ tài chính khác	-	839.980.976	839.980.976
Các khoản vay	12.961.829.885	1.803.200.000	14.765.029.885

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	464.258.220	-	464.258.220
Đầu tư dài hạn khác	-	5.043.988.830	5.043.988.830
Tài sản tài chính khác	-	15.000.000	15.000.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	5.820.367.043	-	5.820.367.043
Đầu tư dài hạn khác	-	6.731.807.675	6.731.807.675
Tài sản tài chính khác	-	454.476.583	454.476.583

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 02 năm 2014.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

CAO PHƯỚC THÁI HÒA

LÊ THỊ LỆ TÚY

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

